

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-ST

Ngày: 19-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người
chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11
- Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên
tòa:** bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm
2024 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết
để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-DS ngày 03
tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C1.

Địa chỉ trụ sở: Số A phố L, phường H, quận H, Hà Nội (nay là Số A phố L,
phường H, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Dương Quyết T – Chức vụ:
Tổng Giám đốc;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Hồng V – Chức vụ: Giám
đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1, là người đại diện theo
ủy quyền (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHGS
ngày 19-9-2019); vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1953; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

+ Anh Trần Văn G, sinh năm 1997; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh); hiện cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trần Thị L, sinh năm 2004; cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phạm Hồng V trình bày:

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04-10-2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Ngân hàng C1 cho ông Trần Văn H, sinh năm 1979 (đã chết ngày 02-12-2018) đại diện hộ gia đình ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay với Ngân hàng, tổng cộng 02 khoản vay là 32.000.000 đồng, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất: ngày 26-01-2018 ông H ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay với Ngân hàng, vay 12.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 24-01-2023; lãi suất 09%/năm; lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; số tiền trả nợ 1.200.000 đồng/lần; tiền lãi vay trả định kỳ ngày 24 hàng tháng. Ngày 30-01-2018 hộ gia đình ông H được Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn xét duyệt cho hộ gia đình ông H vay vốn Ngân hàng CSXH huyện T chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền gốc 12.000.000 đồng. Đến ngày 22-10-2024, tổng số tiền lãi phát sinh là 7.813.000 đồng, trong đó hộ vay đã nộp 998.000 đồng, tiền lãi còn nợ lại là 6.815.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi đến ngày 22-10-2024 là 18.815.000 đồng.

- Khoản vay thứ hai: ngày 27-3-2018 gia đình ông H tiếp tục được Ban Quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn xét duyệt cho hộ gia đình ông H vay vốn Ngân hàng CSXH huyện T chương trình hộ cận nghèo với số tiền gốc 20.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi 01 con bò sinh sản; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 24-3-2023; lãi suất 7,92%/năm (tương đương 0,66%/tháng); lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; số tiền trả nợ 4.000.000 đồng/lần; tiền lãi vay trả định kỳ ngày 24 hàng tháng. Trong đó hộ vay đã nộp 1.220.000 đồng, tiền lãi còn nợ lại là 9.958.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi đến ngày 22-10-2024 là 29.958.000 đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: bà Trần Thị X, sinh năm 1953 (mẹ ruột), anh Trần Văn G, sinh năm 1997 (con ruột), anh Trần Văn T1, sinh năm 2000 (con

ruột, chết tháng 5-2024) và chị Trần Thị L, sinh năm 2004 (con ruột). Bà Nguyễn Thị B (vợ ông H, đã ly hôn với ông H năm 2016, trước khi ông H vay tiền Ngân hàng). Sau khi ông H chết, Ngân hàng đã kết hợp cùng Đoàn Thanh niên xã và Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), Ban Quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều lần làm việc với gia đình ông H để yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng nhưng gia đình ông H không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, với lý do ông H chết, không nhận nợ, không đồng ý trả nợ.

Do đó, Ngân hàng C1 yêu cầu anh G trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H là: anh G, bà X, chị L cùng có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ mà ông H đã vay trong phạm vi di sản ông H chết để lại. Cụ thể tiền nợ như sau:

- Tiền vay gốc là 32.000.000 đồng;

- Tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 30-8-2025 là 19.844.000 đồng tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng là 8.085.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng là 11.759.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 30-8-2025 là: 51.844.000 đồng, yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Đối với anh Trần Văn T1 là con ruột ông H, đã chết tháng 5-2024 trước thời điểm Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T1 và không yêu cầu hàng thừa kế của anh T1 (bà B) thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Anh Trần Văn G trình bày: anh là con ruột của ông H và bà Nguyễn Thị B, ông H và bà B có 03 người con chung gồm: anh, chị L và anh Trần Văn T1 (đã chết tháng 5/2024). Sau khi ba mẹ anh ly hôn năm 2016 thì anh và anh T1 sống cùng với ông H. Việc ông H vay tiền Ngân hàng anh hoàn toàn không biết, chữ ký trong Giấy ủy quyền vay tiền Ngân hàng không phải anh ký nhận nhưng anh không yêu cầu giám định.

Khi ông H còn sống thì ông H có tài sản là 01 phần đất diện tích 276,2m², thửa đất 11, tờ bản đồ 65 tại ấp T, xã T, huyện T, Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi ông H chết anh là người được thừa hưởng toàn bộ tài sản này và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nguồn gốc nhận thừa kế). Tháng 11-2024 anh đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho người khác với giá chuyển nhượng thể hiện trên hợp đồng là 400.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc chuyển nhượng đất anh dùng để chi trả tiền chữa bệnh cho anh T1, hiện không còn lưu giữ hóa đơn giấy tờ chữa bệnh. Hiện nay, ông H không còn di sản nào khác.

Nay Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu anh phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi và yêu cầu anh cùng các hàng thừa kế khác của ông H (chị L, bà X) có nghĩa vụ liên đới trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi trong phạm vi di sản ông H để lại, thì anh chỉ đồng ý trả nợ trong phạm vi di sản của ông H để lại, không đồng ý thanh toán tiền nợ bằng tài sản cá nhân của anh.

Bà Trần Thị X trình bày: bà là mẹ ruột của ông H, cha ruột ông H chết đã lâu, không nhớ thời gian nào nhưng chết trước ông H. Việc ông H vay tiền Ngân hàng bà hoàn toàn không biết, không liên quan. Sau khi ông H chết thì bà cũng không được thừa hưởng hay nhận di sản thừa kế nào từ ông H.

Do đó, bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 yêu cầu bà và các hàng thừa kế khác của ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi trong phạm vi di sản ông H để lại, vì bà không liên quan đến số tiền nợ vay, không nhận di sản nào của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Trần Thị L trình bày: chị là con ruột của ông H và bà B, ông H và bà B có 03 người con chung gồm: chị, anh G và anh T1 (đã chết tháng 5/2024), mẹ ruột ông H là bà X còn sống, cha ruột ông H chết đã lâu trước ông H. Sau khi ba mẹ chị ly hôn năm 2016 thì chị sống cùng mẹ là bà B cho đến nay. Việc ông H vay tiền Ngân hàng chị hoàn toàn không biết và khi ông H chết thì chị cũng không được thừa hưởng hay nhận di sản thừa kế nào của ông H để lại.

Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu chị và các hàng thừa kế khác của ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi trong phạm vi di sản ông H để lại thì chị đồng ý trả nợ trong phạm vi di sản của ông H để lại, không đồng ý thanh toán tiền nợ bằng tài sản cá nhân của chị.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: trước đây bà và ông H là vợ chồng nhưng đã ly hôn tại Tòa án năm 2016. Bà và ông H có 03 người con chung là anh G, chị L và anh T1 (đã chết tháng 5-2024), ông H không có con riêng và con nuôi nào khác; mẹ ông H là bà X còn sống, cha ông H chết đã lâu. Từ khi ly hôn đến nay, chị L sống cùng với bà nên hoàn toàn không biết việc ông H vay tiền Ngân hàng và nợ số tiền trên; anh T1 chưa có vợ, con.

Đối với phần đất của ông H mà anh G đã bán lại cho người khác là tài sản của ông H, anh G nhận thừa kế và bán lại cho người khác để lo chi phí điều trị bệnh cho anh T1. Riêng bà không hưởng phần di sản nào từ ông H và không liên quan đến số tiền nợ của ông H, nên không đồng ý có bất kỳ trách nhiệm nào về số tiền ông H nợ Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông V; bị đơn anh G, bà X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, 466, 468, 614, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Buộc anh Trần Văn G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hai hợp đồng vay vốn do ông Trần Văn H đã ký với Ngân hàng, số tiền tổng cộng tính đến ngày 19-9-2025 là 52.022.000 đồng và anh G phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký, cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng C1 về việc buộc bà Trần Thị X, chị Trần Thị L và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ cùng trả nợ theo hai hợp đồng vay vốn do ông Trần Văn H đã ký với Ngân hàng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu anh G trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay và yêu cầu hàng thừa kế của ông H gồm: anh G, bà X, chị L có địa chỉ cư trú tại: ấp T, xã T và ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ còn lại trong phạm vi di sản của ông H chết để lại, số tiền tính đến ngày 19-9-2025 là 52.022.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh và quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông V; bị đơn anh G, bà X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, bà B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: ngày 19-9-2025, Ngân hàng C1 có đơn sửa đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh G phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 19-9-2025 là 52.022.000 đồng. Việc Ngân hàng sửa đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà X, chị L và hàng thừa kế của anh T1 là bà B cùng thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ của ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 yêu cầu anh G trả số tiền nợ gốc 32.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 19-9-2025 là 20.022.000 đồng, tổng cộng 52.022.000 đồng, nhận thấy: căn cứ Sổ vay vốn, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26-01-2018, ngày 05-3-2018; Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH ngày 19-01-2018 (từ bút lục số 07 đến số 13) thể hiện ông H đại diện hộ gia đình có vay của Ngân hàng hai khoản vay, số tiền gốc là 32.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng và ngày 02-12-2018 ông H chết, đăng ký khai tử ngày 23-4-2020, giấy chứng tử số 17, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi ông H chết, Ngân hàng nhiều lần làm việc với gia đình ông H để yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng nhưng gia đình ông H không đồng ý. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế của ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mà ông H nợ là có căn cứ.

[2.2] Thời điểm ông H vay tiền Ngân hàng, anh G là thành viên của hộ gia đình ông H, việc vay vốn Ngân hàng chính sách nhằm mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ, đồng thời hồ sơ vay thể hiện ngày 26-01-2018 anh G ký giấy ủy quyền cho ông H đại diện gia đình trực tiếp thực hiện các giao dịch vay vốn với Ngân hàng (bút lục số 06); trên cơ sở hồ sơ được lập, Ngân hàng đồng ý xét duyệt cho ông H vay. Anh G cho rằng anh không ký vào giấy ủy quyền, nhưng anh cũng không yêu cầu giám định để làm rõ chữ viết họ tên và chữ ký trong giấy ủy quyền nên không có cơ sở xem xét. Căn cứ Điều 103 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về “*trách nhiệm dân sự của thành viên hộ gia đình*”, cần buộc anh G phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông H nợ Ngân hàng, tương ứng số tiền gốc và lãi là 26.011.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại của Ngân hàng, số tiền gốc và lãi là 26.011.000 đồng, nhận thấy: thời điểm ông H chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm có: bà X, anh G, anh T1 (đã chết ngày 01-5-2024, giấy chứng tử số 33 ngày 15-5-2024) và chị L. Quá trình giải quyết vụ án, qua thu thập tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự xác định ông H chỉ có tài sản duy nhất là di sản thừa kế là phần đất diện tích 250m², thửa đất số 09, tờ bản đồ số 627, tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y271643, số vào sổ cấp GCN 02768 QSSĐ/1308/03/HĐ-CN do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-11-2003 cho ông H. Ông H chết không để lại di chúc, ngày 29-8-2024, anh G nhận thừa kế toàn bộ phần đất này của ông H, được công nhận tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 75), ngày 29-11-2024 anh G được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DQ 781713, số vào sổ cấp GCN: VP14097, diện tích 276,2m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 65. Sau khi Toà án thụ lý vụ án theo thủ tục hoà giải tại Toà án ngày 22-10-2024 và thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng ngày 19-11-2024, ngày 09-12-2024 anh G ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Văn Đ1 và bà Phạm Thị L1, với giá trên hợp đồng là 400.000.000 đồng (bút lục 68-70) và ông Đ1, bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19-12-2024. Anh G cho rằng không nhận được phần tài sản nào của ông H chết để lại là không đúng với thực tế và anh cũng không cung cấp

được chứng cứ chứng minh toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất anh sử dụng vào mục đích lo chi phí điều trị bệnh cho anh T1 hoặc phân chia cho những người thừa kế còn lại của ông H.

Xét thấy, anh G là người duy nhất được nhận toàn bộ di sản thừa kế mà ông H chết để lại, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, căn cứ quy định tại Điều 614 và khoản 3 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 *“Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”*; *“3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc một mình anh G thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại trong phạm vi di sản của ông H.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 463, 466, 468, 614, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1, buộc anh G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C1 $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 19-9-2025 là 26.011.000 đồng và phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại trong phạm vi di sản của ông H chết để lại, số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 19-9-2025 là 26.011.000 đồng; tổng cộng số tiền là 52.022.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

[3.1] Do toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $52.022.000 \text{ đồng} \times 05\% = 2.601.100 \text{ đồng}$ (làm tròn 2.601.000 đồng);

[3.2] Ngân hàng C1 khởi kiện vụ án để thu hồi nợ vay đối với người nghèo, thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí Tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 614, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 11 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 đối với anh Trần Văn G về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

1.1 Buộc anh Trần Văn G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C1 số tiền nợ vay tổng cộng là 26.011.000 (hai mươi sáu triệu, không trăm mười một nghìn) đồng, trong đó: tiền nợ gốc 16.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng và tiền lãi đến ngày 19-9-2025 là 10.011.000 (mười triệu không trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20-9-2025) anh G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Buộc anh Trần Văn G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C1 số tiền nợ vay tổng cộng là 26.011.000 (hai mươi sáu triệu, không trăm mười một nghìn) đồng, trong đó: tiền nợ gốc 16.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng và tiền lãi đến ngày 19-9-2025 là 10.011.000 (mười triệu không trăm mười một nghìn) đồng trong phạm vi di sản của ông Trần Văn H chết để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20-9-2025) anh G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay trong phạm vi di sản ông Trần Văn H chết để lại.

1.3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 đối với bà Trần Thị X, chị Trần Thị L, bà Nguyễn Thị B (người thừa kế của anh Trần Văn T1) về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản của ông Trần Văn H để lại.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.601.000 (hai triệu sáu trăm lẻ một nghìn) đồng.

Ngân hàng C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

